TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____ *H, ngày 16 tháng 6 năm 2023*

Số: 341/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 298/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2023 giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Trịnh Văn S**, sinh năm 1974; HKTT và nơi ở: Xóm C, phường Đ, quận T, thành phố H (nay là Tổ dân phố C, phường Đ, quận N, thành phố H).

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh B,** Sinh năm 1977; HKTT và nơi ở: Số 6, hẻm 463/7/22 phố Đ, phường V, quận B, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/6/2023 tại Tòa án nhân dân quận B

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh B.

- Về con chung: Anh Trịnh Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh B xác nhận có 02 con chung là cháu Trịnh Linh T, sinh ngày 08/7/2006 và cháu Trịnh Hà P, sinh ngày 04/4/2009.

Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của anh Trịnh Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh B: Giao cháu Trịnh Linh T và cháu Trịnh Hà P cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng)/tháng/2 con (Mỗi con: 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng) kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh Trịnh Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh B xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét. Sau khi ly hôn, anh, chị tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Trịnh Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh B xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

2. Về án phí Tòa án: Anh Trịnh Văn S tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0007814 ngày 01/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *VKSND quận B;*
- *CQ đã thực hiện việc đăng ký KH: UBND p. Đ,quận N, thành phố H; Số 47, ngày 18/3/2005;*
- *Các đương sự;*
- *Tòa án ND TP. H;*
- *Chi cục THA DS quận B;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Dương Thị Sen